

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3

(Phần Hạ)

GIẢI THÍCH PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

Đề Chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Thiện Quyền, cho đến giải thích văn đều nói Thiện Quyền Phương Tiện. Nên biết Ngài Pháp Hộ cũng dùng Thiện Quyền mà giải thích Phương Tiện. “Thiện” là tên khác của “xảo”. Văn tự phân làm hai: 1. Lược, trong đó có hai: đầu là chánh giải thích, trong đó văn chia làm ba: Đầu một giải thích theo tự huấn, sau hai theo nghĩa. Lại, đầu hai từ tích giáo, sau một thuộc kinh nay. Tuy có ba giải thích đều dùng ba giáo mà làm phương tiện, chỉ có năng thông phi năng thông và dùng tức bất tức dị, đến thành ba giải thích. Nhưng phải lược luận ba thứ đại chỉ (ý), mới có thể tiêu văn. Nhưng trong ba thứ, đầu tiên căn cứ năng dụng ba giáo, đặc danh pháp là sở dụng, dụng là năng dụng. Tuy pháp cùng dụng đều thông bốn giáo, chỉ có phương viên sai hội khác biệt, cho nên gọi là “phương tiện” tức từ quyền mà lập danh. Quyền bất tức thật, cho nên đối xưa biện thành thể ngoại quyền thì chẳng phải ý phẩm này. Trong văn nêu Viên tức thuộc chân thật, tương đối thôi! Cho nên biết tại xưa không nên dùng bí diệu giải thích Phương tiện, chính bí mật ấy mà không nói gọi là Phương tiện, hướng chỉ Viên nơi Tích chính là Viên của Kiêm Đối, cho nên Viên khắp đều không phải ý ở đây. Tiếp, giải thích thứ hai: Quyền thuộc năng thông ba giáo cũng được gọi là Phương tiện. Nhưng tuy bất tức mà dùng năng làm viên làm Viên thuyên. Viên của sở thuyên cũng “đối” năng thuyên làm Phương tiện, cho nên biết đều chẳng phải ý của phẩm này.

Giải thích trước không nói ba làm năng, tức quyền thật phù hợp đều đi đến cùng cực, nên phương pháp không đồng. Đến giải thích thứ ba mới là “tam quyền tức là nhất thật”, chỉ đây tức Thật là Quyền, mới gọi là Phương tiện của kinh này. Tiếp tiêu văn: Đầu căn cứ pháp dụng, chia làm năm: 1. Pháp. 2. Nêu dụ. 3. Nêu ý dụng quyền. 4. Dẫn chứng.

5. “Nghĩa này...” : là tổng kết phi. Đầu lại có ba: Trước, giải thích theo Tự huấn. “ Phương “ là pháp vậy. Sách thuyết Văn nói là Pháp thuật. Chính là hợp với văn này. Sách Nhĩ Nhã nói là “Tắc” tức phép tắc của pháp gia, lại nói là “chánh”. Nay cũng như vậy. Pháp đó chánh nên mới hợp căn cơ, tuy chưa khai hiển mà không được không chánh. Tiếp, “Pháp có...”: là giải thích nghĩa tuy đều là pháp dụng bởi vì thiên đối viên, thiên sai viên hội, hội tuy hơn sai nhưng hội chẳng là sai, dụng hiển phi diệu. “Tam quyền...”: giải thích tương, lại có hai: Đầu giải thích Pháp phương viên, dùng đối quy cũ mà phân thiên viên, dụng hiển phi diệu. Ba phương một viên, tuy tức bốn giáo đều gọi là pháp dụng. Chánh dùng thiên pháp gọi là “Phương tiện”. Tiếp “Hoặc là trí...” : là giải thích dụng sai hội, sở dĩ đều đặt ra nói pháp dụng là do đều khế hợp căn cơ, chẳng phải đều hội viên cho nên đều nói hợp.

1. Pháp dụng: Pháp tên tuy thông dụng đã thích hợp thời, mà chưa thuần nhất, là dùng pháp nào để hợp căn cơ nào? Cho nên dùng bốn pháp ứng phó căn cơ, sai hội không đồng. Quyền thật tương đãi thị phi, đều chẳng như trước giải thích, ý pháp đã chưa dung hợp, chúng sinh chưa thỏa thích, quy củ vẫn sai biệt. Lại nói “thiện dụng”, “nghệ” (đến): nghĩa là chỗ hướng đến, chánh là dụng, “trí nghệ” không đồng, dụng pháp không bình đẳng.

2. Thí dụ ý: Chánh thí pháp dụng không đồng, có hai lớp pháp thí, trong đó sắp đặt lấy phương pháp trong khước Viên đặt tên, lại mượn hiệu “bí diệu”. Cho nên, Viên cách Thiên cũng có Thể nội phương tiện cho nên gọi là “bí diệu”. Tên “bí diệu” giống như giải thích thứ ba, nhưng ý thì khác. Vì sao? Vì giải thích thứ ba chính là dùng khai hiển làm diệu. Trong đây chính dùng chỉ riêng Viên (độc viên) làm diệu, cho nên trong văn đây bốn giáo đều là phương pháp. Ba giáo trước chỉ gọi là phương pháp, chẳng “bí” không “diệu”, Viên giáo sau là “bí” là “diệu”. Cho nên giáo sau được gọi mới đúng tên “bí diệu”, chẳng liên quan khai hiển. Cho nên, dùng Thiên pháp ví như như dùng một ngón tay chỉ thì thấy thiên về một phương, nếu dùng Viên pháp ví như dùng năm ngón tay chỉ thì cho thấy khắp các phương.

3. Nêu ý dụng quyền: Trước chưa hợp, tức dùng quyền pháp, gọi là tùy dục.

4. Dẫn chứng: Nên dùng ba quyền làm pháp dẫn xuất, văn dựa vào Tiểu mà nói, cho nên gọi là “tam giới”, hướng chi chỗ lìa không đồng, tam giới không sai biệt. Nếu đối Như Lai thì phương tiện bản nhất. Vì ý đây chưa tuyên bày, nên thuộc giáo xưa, tuy là Thể ngoại

phương tiện mà về lý thì đều là bên Thế nội mà chúng sinh chưa biết. Căn cứ ý Phật mà nói, cho nên nói “xưng tán phương tiện”, do chưa khai nên chẳng phải ý phẩm này.

Tiếp, thứ hai: Căn cứ năng thuyên. Nếu lý và giáo hướng về nhau, thì bốn giáo đều luận không giáo nào chẳng là năng thuyên. Nay dùng ba đối một. Ba vì nhất thật làm thuyên, cho nên ba gọi là năng thuyên. Vậy trong ba giáo trước thì Giáo Hạnh Nhân, lý đều là năng thuyên, trong đó chia làm bảy: 1. Thẳng lập ba giáo làm môn, đây giải thích theo nghĩa, không liên quan đến giải thích theo Tự huấn. 2. “Môn gọi là...”: là giải thích nghĩa “môn”, như cửa thế gian vốn là năng thông, ba thứ đều nhập thật nên gọi là “môn”. 3. “Phương tiện...”: nêu rõ ý môn. Chúng sinh không hiểu vốn là sở thông, dựa vào sở chấp đó được thành “lộng dẫn”, chỉ vì không khéo, quanh co nên dùng “dẫn” làm “lộng” (bày trò). 4. “Chân thật...”: nêu môn dụng, tuy phi tức sở, đặc nhập do đây. 5. “Từ năng...”: nêu đặc danh. Quyền thật vẫn còn ngăn cách bởi vì căn cơ của chúng sinh sai biệt. Cho nên trước hai giải thích hiển lộ các biên và trước biệt địa, chẳng phải ý phẩm này. 6. Dẫn chứng ý: Nêu môn xưa kia chỉ nói năng thông, nay đây phải khai cho nên nói “khai phương tiện môn”, chẳng phải cho là ở kia đã nêu rõ khai môn. 7. “Nghĩa đây...”: là tổng kết phi.

- Thứ ba giải thích: Tức ý phẩm này. Trước hai giải thích đối xưa chỉ được gọi là thiên (lệch) gọi là môn. Bí mà không nói, nay khai thiên môn kia tức là Viên sở cho nên nói bí diệu. Hiển lộ rõ ràng cho nên gọi là “chân bí”, lại chia làm sáu: 1. Thẳng lập: Đối xưa thành bí, bí kia bị khai, đối nay thành diệu. 2. “Diệu đạt...”: là giải thích công dụng: Đạt là khai dùng tiện của diệu, vì khai bí phương, ngoài diệu không có pháp cho nên nói “tức thị”. 3. “Điểm trong...”: là căn cứ nhân giáo để chỉ tướng, trong thân chúng sinh có chủng duyên xưa gọi là “y châu” (hạt châu ẩn trong ché áo). Tự thoái lui từ xưa đến nay ở người khách say. Thiên môn mà còn không có tên Thiên môn, hướng chi Viên sở. Nếu không khai thì ba quyền chưa hiển, như “hạt châu còn ẩn trong ché áo”. Nay kinh khai đó, cho quả trí Nhất. Tác nhân cũng vậy, tư duy có thể biết. 4. “Như đây...”: là kết danh, phương pháp và môn tức là bí diệu cho nên nói “như đây”. 5. “Như kinh...”: là dẫn chứng. 6. “Cho nên dùng...”: là kết danh hiển thị.

Tiếp trong phần “Liệu giản” có ba: 1. Căn cứ tự tha tam ngữ, nhờ giải thích đầu tiên ở trước để giải thích ba, cho nên cái đầu tiên được khai tức cái thứ ba. 2. Căn cứ năng sở, nhờ cái giải thích thứ hai để giải

thích văn thứ ba cho nên cái được khai thứ hai cũng tức thứ ba. 3. Căn cứ bốn câu, cùng xét xem ba giải thích.

Trong phần giải thích đầu tiên, phần “tự” có ba văn, xem văn đầu: ba giáo nhất hướng, gọi là “tha” gọi là “quyền”, quyền thì cách thật. Giải thích văn tiếp: Dùng ba giáo “tha” cùng Viên “tự” đối biện. Văn thứ ba: Cả ba đều trong thể đều chân thật, chỉ gọi là “tự”, ngoài “tự” không có “tha”. Tam ngữ cũng như vậy.

Phần thứ hai: Căn cứ năng sở. Cũng tự có ba văn, đều đem hai chữ “năng sở” để xem xét năng sở thị phi. 1. Giải thích văn đầu: Lại chỉ ba giáo, chỉ là pháp dụng, vẫn còn không phải năng thông, hướng chỉ là sở thông. Thế nên ba giáo phi năng phi sở, nên ba phương tiện thấy đều là thô. Giải thích văn thứ hai: Môn là tam giáo được là năng thông. Không nói tam giáo tức là Viên, cho nên phi sở thông, kia đã bất tức, cho nên cũng là thô. Giải thích văn thứ ba: Cũng khai hai trước, phi năng phi sở và dùng năng thông đều khai thành sở. Trong sở thiện xảo gọi là “phương tiện”, cho nên diệu. Phương tiện khác với phương pháp và năng thông môn. “Cho nên biết...”: là kết bài xích. Trước là: kết danh thể, hoặc đồng hoặc khác. Tuy đều gọi là phương tiện, mà có ba thứ sai khác đây, lẽ nào chỉ nghe danh liền giải nghĩa kia cho nên ba giải thích đều có nói “phương tiện”. Hai là: Chẳng phải phẩm này, cho nên nói “nghĩa khác”. “Người đời...” là tổng bài xích người đời, lẽ nào Đại sư “đối” thiên tình có dựa vào bề đảng nào ư? Kia như lý nào? Kia như văn nào? Kia như hạnh nào? Kia như chứng gì? Sinh công nói: “Thiên chân riêng đặc biệt” mà còn nói “theo xưa đề phẩm”. Nếu theo xưa đề, thì vì sao xưng tán? Nếu xưng tán xưa đâu thì lẽ nào chẳng phải hủy báng nay ư? Nếu dùng xưa tán thán nay, lại lỗi lầm với xưa, thì khiến Quyền của Thể nội hoàn toàn thiếu, dụng của Thể ngoại lại thiếu, mới thành trong ngoài đều không có, thì làm sao được tán thán Phật quyền trí. Năm đức Phật khai triển tiện lạm sơ thi thiết, tam chu thiện xảo vẫn là. Nếu nói phẩm tuy đề xưa mà trong phẩm tại nay, thì là treo bảng nơi huyện làm hoặc loạn người đi đường.

Lại nữa, trong phần đầu giải thích đã dùng tam ngữ “tùy tha...” để thông hai giải thích sau. Giải thích kế tiếp lại dùng “môn” để thông đầu sau, lý cũng nên dùng “diệu” để thông hai trước. Văn không nêu, chỉ lược, nên nói “vân vân”. Lẽ ra nói: Đầu tiên giải thích Phương tiện là bí mà phi diệu. Tiếp, giải thích Phương tiện bí mà có thể nhập diệu. Sau cùng, giải thích Phương tiện bí tức là diệu, đây chính từ giải trong Phật để nói, nay thành hiển lộ cho nên thiếu không luận.

Phần thứ ba: Căn cứ bốn câu, đầu tiên là hỏi, ý là: Chánh bản đã nói thiện quyền, nên biết “quyền” là tên khác của Phương tiện, muốn căn cứ tên khác để xem xét đồng khác, cho nên trước khởi hỏi. Trong phần đáp có bốn: 1. Nêu liệt; 2. Giải thích; 3. “Ba câu...”: là phân biệt; 4. “Cho nên Chánh Pháp Hoa...”: là dẫn chứng. Trong phần hai Giải thích, tương phá một đối phân làm hai câu: Tương tu tương tức đều là một câu, hợp bốn câu. Các văn khác hoặc lấy đây làm ba câu hoặc làm sáu câu, tùy pháp tương kia mà lập ý không đồng. Cú pháp thường định, nay lập ba đối rồi mới khai làm bốn câu, muốn lấy bốn câu dùng đối ba giải thích, lấy ba câu trước thuộc hai giải thích đầu. Nếu chỉ làm ba câu thì lấy hai câu trước phân biệt thuộc hai giải thích trước, có gì mà không được? Chỉ vì trong tương phá văn tương biệt. Lại căn cứ tương phá tương tu cũng có thể phân làm hai câu, bốn câu trước cũng không làm lớn, danh cú đều tùy thời không thể căn cứ một. Nói “tương phá”. Quyền cùng phương tiện, xưa nay đều có hai tên, đối xưa thì “Thiên, Viên” hai danh tương phá, đối nay thì Thiên Viên danh thể tương tức, đây đối giải thích đầu tiên nên nói “tương phá”. Tại nay thì ba giáo đều diệu, cũng gọi là quyền, cũng gọi là phương tiện. Tại xưa thì ba thứ đều thô, cũng gọi là quyền, cũng gọi là phương tiện. Cho nên, đem hai xưa xen lẫn phá hai xưa để thành hai câu tức hai tên ba giáo đối Viên giáo kia. Cho nên trong giáo xưa ba đối người Viên giáo đều thành bí diệu và vì đồng thể, nên nói “bốn thứ đều là bí diệu và đồng thể”. Vì vậy nói tương phá, chỉ là theo danh không theo thể. Nay từ danh giải thích thể kia thường định. Nói “tương tu”: Cũng đều ở hai danh xưa xen nhau lập, chỉ là ba giáo hai danh xen lẫn tu Viên giáo hai danh, vì vậy nên khác với câu tương phá trước. Tuy xưa người Viên giáo cũng thấy bốn thứ đều là bí diệu, nhưng đối giáo kia không được hiển thuyết nói tương tức, cho nên chỉ y nơi xưa đối luận, nên tương tu cũng đối ba giáo để biện một Viên. Vì sao? Vì nếu xả bỏ ba tu Viên, thì trở lại đồng câu phá. Nếu tức ba là Viên thì mới đồng câu sau, không phá không tức, từ Quyền nhập Thật cho nên được gọi là “tu”. Nếu như vậy thì hai vị ba giáo trước, lợi căn Bồ-tát có hiển lộ đặc, hai giáo nhị thừa chỉ bí mật đặc. Do đặc nhập nên tức gọi là “môn”. Nói “tương tức”: Tức chỉ là khai cho nên tương phá thuộc giải thích thứ nhất, tương tu thuộc giải thích thứ hai, tương tức là giải thích thứ ba. Nói “v.v...”: lại dùng bốn câu, căn cứ vị so sánh quyết định, hoặc khai hoặc phân biệt, đầy đủ như văn khác, căn cứ đây nói thì có thể thấy. Dưới lại rộng nêu, nên không lập lại. Phần 3. Phân biệt : có thể thấy. Phần 4. Dẫn chứng: Chánh bản gọi là “tức nay”, chính là thể

tức. Ba quyền ba phương tiện tức là một quyền một phương tiện.

Tiếp, giải thích “Phương tiện”: Cũng nên nói “Phương tiện” tức quyền, nêu kia để giải thích đây, nên không rườm rà nhiều. Phải biết Thể ngoại phương tiện tức Thể nội Quyền, danh tuy lại xen lẫn gọi, mà dưới là thể đã khai, trên thể gọi là bản thật. Do xưa phân có Thể ngoại Thể nội, thì khiến hai xứ danh dưới thể sai khác. Cho nên biết kinh này Phương tiện tức là Chánh Pháp Hoa thiện quyền, Chánh Pháp Hoa thiện quyền là kinh này phương tiện không hai không khác.

“Đê đầu (cúi đầu)...”: Còn khai Nhân thiên, hướng chi ba giáo. Nếu được khai rồi thì nhất thể không khác. Trước đã ba tầng tổng xuyên suốt tám môn. Môn thứ năm bên dưới, tuy kết quyền thật mà nhờ kia tiện nêu ba phen giải thích phẩm. Chánh ý nên dùng ba thứ giải thích phẩm thông suốt tám môn. Tư duy đó không sai lầm, mới có thể giải thích, hướng chi mỗi mỗi môn trong mười cặp, mỗi cặp nên hiểu ba phen giải thích. Trong một bộ trong giáo một đời không ngoài tám môn mười cặp. Tiếp, trong phần rộng giải thích, trước là phá xưa, chia làm bốn: 1. Thuật năm thời giáo phi. 2. Thuật bán mãn... phi. 3. “Lại có...”: là thuật tạp giải thích phi. 4. “Lại có...”: thuật phụ bên phi. Như vậy bốn thất đều xưng quyền thật, quyền tức phương tiện, không biết lấy gì để giải thích phẩm này? Phần đầu: Năm thời phi: Điều trước trình bày, tiếp phá. Trước trình bày thời đầu. Tiếp, “Nay gọi là...”: là phá: Đại luận phá vô thường chỉ là đối trị, đối trị thuộc sự, sự tức không thật, chỉ thành Tiểu tông phương tiện. Dù có Đê nhất nghĩa Tất-đàn nhưng vẫn chẳng phải là hạnh môn ba Tất-đàn phương tiện, đâu phù hợp với giáo đây quyền xảo phương tiện trong Đê nhất nghĩa! Tiếp, phá sau mười hai năm là Bát-nhã, nay không rảnh phá kia tại trước thời Phương đẳng, chỉ phá quyền thật không ngoài Thông giáo cho nên nói tức không. Dẫn ý luận: Tuy không hữu tướng tức, đối với thật thành tướng, vẫn còn chẳng phải Thật trong Bát-nhã, không thật thì không đồng thể phương tiện, lẽ nào thành phẩm Phương Tiện của kinh này?

Hỏi: Bát-nhã tam giáo đều niệm tướng ư?

Đáp: Thông biệt đều căn cứ chưa chứng thật, cho nên vẫn chỉ nói “chiếu giả hữu không”. Không chưa thật, nên cố phá gọi là tướng, Tâm cảnh chưa dung thông, nên quán gọi là tướng. Cho nên, có tướng quán thì chẳng phải phương tiện nay.

Tiếp, trình bày ý Tịnh Danh: Do trong Phương đẳng tự hành nội chiếu không hữu hai cảnh. Như nói tu học tam Tam-muội, không dùng tam Tam-muội làm chứng... Nạp biển pháp giới vào trong hạt cải gọi

là biến động, ý cho rằng dùng quyền thật đây vượt qua Bát-nhã trước. “Nay gọi là...”: phá, có hai: 1) Đối trước, giáo trước lẽ nào không có nội chiếu ngoại biến? 2) Đương bộ trong thật đối ngoài trở lại gọi là hai, cũng chẳng phải nhập bất nhị môn của kinh Tịnh Danh. Đã chẳng phải bất nhị thì chẳng phải Viên giáo nhị đế tương tức, lẽ nào “Quyền thật bất nhị” của kinh này làm Phương tiện sao? Cũng không biết người khác chỉ cái gì làm hai và không hai, cho nên chẳng dùng. Tiếp, “Nay gọi là...”: phá kia trình bày Pháp Hoa dùng Tam tam, Tứ nhất, đầy đủ như trong phần hiển thật bên dưới nêu rõ, hướng chỉ tuy phân quyền thật mà chưa ra ngoài giáo trước. Do không nói “tương tức” là “quyền”, nên biết quyền thật còn ngăn cách, cái gì khác thiên tiểu? Tiếp, trình bày kia phán xét Niết-bàn: Xưa Diệu giác mới gọi là thường. “Nay nêu rõ...”: là phá. Ông tuy chấp nhận Niết-bàn là thường, mà phân biệt tại Diệu giác. Vì sao? Vì đạo tiền đạo hậu chiếu chân chiếu tục, đều có thường và vô thường. Vì sao quyết định dùng Kim Cang tiền hậu để phân biệt kinh bộ? Trong bộ được lợi ích đâu phải đều là Diệu giác. “Lượng”: là số lượng và dùng thể lượng. Do cảnh thế tục kia là hữu lượng, pháp như cảnh mà chiếu là quyền trí. Đây dùng lý lượng của Nhiếp để luận phá, cho nên ý văn nay như nêu rõ thường trú, lý tánh chúng sinh vẫn còn thật vẫn còn thường, đâu phải sau Đẳng giác mới là thường ư! “Năm thời đây...”: là tổng kết vậy. Cho nên, năm thời kia quyền thật chẳng có gì khác, đều chẳng phải ý nay.

“Cho đến...”: là Phần thứ hai: Căn cứ bán mãn..., phá các tông bán mãn đầy đủ như trong Huyền Văn quyển mười nói. Năm thời đã nghiêng, các tông Bán mãn không công phá mà bại.

“Lại có...”: là Phần thứ ba: phá tạp giải thích, có bốn: 1. Biệt trình bày. 2. “Như vậy...”: là tổng phá. 3. “Quyền nay...”: là biệt phá. 4. “Đều không...”: là kết phi. Trong phần Biệt phá, nói “xứ sở”: nghĩa là trí sở thác. Xứ nêu bày cùng giả đều nói tạm thời, cho nên biết trở lại căn cứ xứ tạm thời. Hóa thành, thảo am... tức là tướng kia. “Pháp môn”: Trí sở dụng pháp tùy căn cơ chúng sinh mà thích nghi, chỉ Tam thừa nên gọi là “pháp môn”. Nói “trí năng”: là trí năng thì thiết tiến hay không! Có tức nên ở Lộc-uyển thiết lập tam thừa. Chữ “chùy” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ Trữ và Ngụy, cũng là phiên thiết của hai chữ Trữ và Vi; có nghĩa là quả cân. Bất cứ vật nặng hay nhẹ, khi đem cân thì quả cân cũng đi tới chỗ quân bình, cho nên gọi là trí xảo năng.

Trong phần Kết phi, nói “không bao hàm”: Quyền thật tự trụ không tương tức, hướng chỉ căn cứ xứ căn cứ pháp, chỉ nói ba xe, cho

nên khiến trí năng không vượt qua đây, vẫn không thấu nhiếp bốn giáo, lý, hành cho nên nói “không bao hàm”. Nghĩa vẫn chưa thấu nhiếp khai pháp tam nhân (người) cho nên nói không dung thông muốn hiểu rõ phẩm này thì đầy đủ như bốn câu, có pháp nào lại không thấu, pháp nào lại không dung?

Trình bày “Phụ bên năm thời phi”: Nghĩa thế mạnh phần nhiều là tốt đẹp xưa lập, cho nên nay trên dưới ba, hai xứ phá, khiến biết được mất. Như kia không mất, thì lấy gì quy tâm? Mất kia chính là trước quy tâm, phá chính là ánh sáng kia sau, trong đó có ba: 1. Lược lập, 2. “Đầu hai...”: lược phân biệt, 3. “Đây các...”: là căn cứ để giáo trí ba tầng ba chuyển. Trước thuật lập: Ý văn đầu: Kia dùng tầng đầu hai tuệ làm căn bản, cho nên chỉ nói nhất quyền nhất thật. Ý dùng quyền là phàm phu, thật là Nhị thừa; nghĩa là Nhị thừa thật phá phàm phu quyền, mà phàm phu mê thì chưa gọi là quyền, đây cũng chưa thể như thế phụ thời Lộc-uyển phi. Tiếp, “Không hữu...”: ý dùng song ly cái không hữu trước nay, mà dùng “quán Không, bất chứng” làm quyền, lấy “thiệt hữu vô nhiễm” làm thật, cho nên dùng “quán Không phi Không”, “quán hữu phi hữu” để hiển bày Trung đạo, đây chính là phụ thời Bát-nhã phi, bất tri trong Bát-nhã thì Trung đạo phi nhất. Tiếp, nói “Không hữu nội tịnh”: Ý nói lấy dứt cái không hữu quyền thật trước làm thật, lấy ngoại dụng này làm quyền, chẳng những nội tịnh song phi, mà còn năng ngoại dụng song chiếu. Trước tuy song phi chỉ đồng nội tịnh, đây cũng không biết hai giáo cùng có, đây là phụ thời Phương-đẳng phi. Tiếp, lại dùng “song phi song chiếu” này, tại Kim Cang tiền vẫn là vô thường, tại Kim Cang hậu mới là thường. Đây chính chẳng phải kia nội tịnh ngoại chiếu, đây là phụ thời Niết-bàn phi. Sư đây tuy thấy thời Niết-bàn thứ năm mà không nói đến Pháp Hoa chân thật, hướng chi cũng trừ thời nhũ vị. Tổng luận tuy năm chỉ phụ bốn thời.

Tiếp, thuật kia “lược phân biệt ý”: Đầu chỉ lập hai tuệ khiến tin có, cho nên chỉ trực tiếp nêu quyền thật. Tiếp, “Sinh giải”: Vốn lập hai trí, ý vốn lia chấp, cho nên lia nhị biên mới giải lập ý. Ý thứ ba: Lia hai chấp nội, mới thành tự hành, lại năng không chấp biến dụng lợi ích cho người khác. Ý thứ tư: Chẳng phải chỉ ích tha mà tự tha đều quyền. Luận kia thật sự ý vốn tại cực quả, cho nên chỉ Kim Cang hậu tâm là thật. Nhưng nay nêu rõ năm Đức Phật chẳng phải không tại quả và dùng quả Bản môn cứu viễn, lý thì không như vậy. Khai phàm phu mà còn tức là chân thật, hướng chi tại Kim Cang tiền vẫn cứ phân biệt là quyền. Quyền nếu chỉ tại Kim Cang tiền thì Phật vĩnh viễn không có quyền

trí, làm sao để hiểu rõ phẩm này gọi là Thiện Quyền ư? Huống chi đều không phân biệt bốn tầng quyền thật là quyền hay là thật, huống chi đều không nói Pháp Hoa, hoàn toàn chẳng phải ý nay, cho nên không dùng. Trước đã thông biên rõ, cho nên nói “lược”.

Tiếp, thuật “Ba chuyển”: Trải qua đây đủ để v.v... Nói “Ba chuyển”: Đối với bốn lớp trước, trừ quả thứ tư, dùng ba trước làm ba, trong đó lại chia làm bốn phần: 1. Lược đối ba chuyển. 2. “Vì sao...”: nêu nguyên do chuyển. 3. “Lại như...”: là dẫn chứng. 4. “Lại tiêm...”: là thuật ý.

Phần đầu lại có hai: Một là: Chánh căn cứ “đế”. Hai là: Lệ giáo trí. Một, nói “đế” tức là hai đế, quyền thật làm bản, cho nên trước căn cứ đế để phân biệt cảnh, cảnh tức chân tục. Trong đó trước nêu, tiếp đối hai đế. Hai đế nói đồng sâu cạn đều khác, vả lại phân biệt lớp đầu một thật một quyền, chỉ gọi hai đế dùng hai đế đây làm tín bản (gốc tin), tức là chuyển phàm mà thành tiểu thánh. Tiếp, Lớp thứ hai: Chuyển hai đế trước đều gọi là “Tục”, song phi hai cái trước mới gọi là “Chân”. “Chân” đây chỉ là lia chấp mà thôi! Lớp thứ ba: Trước trình bày lại cái Không hữu trước, chia làm hai: Trình bày lại cái không hữu trước là Tục. “Song phi bất nhị”: nêu lại song phi trước là Chân, tức là Chân tục này đây lại chuyển thành tục, cho nên nói “Nhị bất nhị đều là tục, phi nhị phi bất nhị là chân”. Lớp quả thứ tư: là ngoài ba chuyển đã song phi lý cực, chỉ có nhân quả tương vọng quyền thật, cho nên “không nói”. Tiếp, “Lệ giáo, trí”: Nêu rõ sở thuyên đây dùng làm sở quán. Đã có ba chuyển, thì năng thuyên năng quán lẽ nào không có ba ư?

Trong phần thứ hai “Nêu nguyên do chuyển”, nói “Vị nhân” (vì người): ba lớp hai đế đều phù hợp căn cơ chúng sinh, cơ tức là người, người có ba hạng, đây không chỉ “Vị nhân” trong tứ Tất-đàn, nên trước sau không ngoài hai đế. Vả lại căn cứ tùy căn cơ, lại gọi là “Vị nhân”. “Dẫn chứng”: Nói “thường nương tựa”, không vượt qua ba thứ này, cho nên chỉ đối nó lại lần nữa, nêu Phật giáo sở y, chứng ý căn cứ đế nêu ở trước. Tiếp, “Lại nữa, Phật giáo...”: là lại dẫn tổng ý làm chứng, tức chứng ý căn cứ giáo nêu ở trước, trong giáo trình bày không ra ngoài ba thứ này, cho nên nói “ba môn”, giáo tức môn. Tiếp, “Lại tiêm...”: là căn cứ ý Phật hóa mà tổng thuật ba thứ giáo, trí, đế nêu ở trước. Ý hóa độ năng sở không ngoài ba thứ này. Đầu tiên, khiến phàm phu xả Hữu nhập Không, tức ban đầu chế Tiểu. Tiếp, phá chấp Không của nhị thừa, cho nên Không hữu đều xả. Ý nói tiểu Bồ-tát vậy. Tuy xả Không hữu mà chưa thấy Trung đạo, Xưa Bồ-tát vậy. Chỉ vì vị theo thứ tự để phân

đại tiểu, không luận biết Trung không biết Trung đạo...

Tiếp “Hoặc là xả...”: là trung biên đều mất, tức đại Bồ-tát, hoặc là chỉ Bát địa, Sơ địa, Thập địa Đẳng giác. Tiếp “Đây là...”: lại dùng ngũ thừa để phân biệt ý giáo hóa trước nay. Ý nói: Phật tại thế ý giáo hóa không ngoài năm thừa. Đối ba lớp trước thì lấy phàm phu làm Nhân Thiên, Nhân Thiên sinh tín phá Hữu nhập Không để làm Nhị thừa. Tiếp “Lại vì..”: là căn cứ ba Giả để phán xét. Đây giống như người theo thứ lớp tu trung, trước phá ba Giả trong đây một phen chỉ thêm ba Giả còn lại không khác, chỉ là phân biệt giáo trước nay là năm thừa. Đầu tiên phá Hữu ắt đủ ba Giả, cho nên ban đầu dùng ba Giả làm tục, các ý đều đồng. Nhưng trong các phen tuy không nói Giả mà Tục đế của lớp đầu, lý phải là giả. Lại các phen trước không nói lớp đầu, nguyên vì tu trung chỉ là văn lược. Cho nên, phá giả tu trung, phần nhiều là ý của các sư thuộc phái Trung luận. Lớp thứ ba, nên nói: Chẳng phải ba thứ Giả Không Hữu, mà là hai thứ phi Không phi Hữu là bất nhị (không hai). Nhị bất nhị là tục, phi nhị phi bất nhị là chân. Căn cứ theo trước thì có thể biết, cho nên không nói lại.

“Nay nêu rõ...”: chỉ tổng lược phá, chia làm năm phần: 1. Lược phi. 2. “Kinh nói...”: là dẫn văn chánh chỉ bày. 3. “Lại, ban đầu...”: là kết phi chỉ lỗi. 4. “Như Thiên Thân...”: là dẫn lệ. 5. “Phải biết...”: là kết chỉ bày. Phần một: Lược phi: Phụ bên dụng ý năm thời, dựa vào tên năm thời ngầm làm giải thích của mình. Nay dùng trong mỗi một thời ngang luận quyền thật thể dụng nhiều ít. Ý nêu xảo dụng của Như Lai khó nghĩ bàn, xảo dụng không lập chỉ thành Tiệm thứ, cho nên nói “phi”. Sau căn cứ ba chuyển lại trừ quả địa. Ý muốn phỏng theo làm trí để lia chấp, dùng nhân để hiển bày quả, không ý cũng chẳng thành Tiệm thứ. Tiếp, dẫn văn chánh chỉ bày: Nay dùng năm thời tám giáo tương nhập mới thành Nhất thật, trong mỗi một thời ngang dọc xen lẫn, chỉ đến Pháp Hoa thì đế trí mới thuần nhất. Văn biện rõ khiến thành tướng phương tiện, nên đầu phẩm Phương Tiện tức tán thán trí đế phương tiện của năm Đức Phật, cho nên phẩm đề cần y viên đốn. Kinh nói: “Đều được nhìn thấy ông” cho đến “quả mới thường”. Kinh khiến bỏ phương tiện, ông mới bỏ liền dụng. Đại kinh nói “tự chỉ Pháp Hoa làm cùng tốt”, ông bèn chỉ Kim Cang hậu tâm, lẽ ra khai các giáo ông mới phế phế bỏ đó. Tiếp, trong phần “Chỉ lỗi”, nói “tín giải hóa quả” tức trước lớp thứ tư thì thủy chung đều tiệm nhập. Tiếp, “Vì sao liên quan...”: là chánh chỉ lỗi kia, cho nên ngoài Gia Tướng lại nói: “Thân cùng thừa đều tác bốn câu”.

Thừa bốn câu là:

1. Ba là phương tiện, một là chân thật, khiến xả ba chọn một. Đồ chúng thọ lãnh giáo, tuy lại bỏ ba mà được ban cho nhất thật. Thô hoặc tuy bỏ mà tế hoặc chẳng bao lâu sẽ sinh. Nay hỏi: Đến hội Pháp Hoa nếu đã bỏ ba thì ở xứ nào mà ban cho nhất thật? Nếu chưa đến Pháp Hoa, trước đó lại không bỏ giáo ba; thì người Thanh-văn đối trước Pháp Hoa, Kiến tu lâu phá, đến đây vì sao tế hoặc chẳng bao lâu sẽ sinh? Ban cho Thật là thế, thì như thế nào là hoặc nhiếp? Lẽ nào có tế hoặc do nghe pháp sinh?

2. Lại nói vì đối phá, cho nên nêu ba cùng một đều là phương tiện. Nay hỏi: Không xét kỹ ba, một đều là phương tiện, vì ở trước kinh Pháp Hoa hay đến hội Pháp Hoa? Vậy trước đó còn mê ba là phương tiện, sao từng nói một cũng là phương tiện? Cho nên, phẩm này ban đầu chỉ nói ngày xưa phương tiện chỉ bày ba, đích xác thì không có ba, một, đều gọi là phương tiện, nói đối phá là ở hội nào?

3. Người lãnh thọ giáo mới biết ba, một đều là phương tiện, liền ban cho hai phi mà làm lý cùng cực.

Nay hỏi: Ba chu, thì chu nào là văn lãnh thọ hai phi? Trước đó, Nhị thừa mà còn không có hai trước, huống chi song phi ư? Nếu hàng Bồ-tát nơi nơi đắc nhập, thì đâu cần Pháp Hoa? Ba lại dùng ba, một làm hai, hai phi làm bất nhị; nhị và bất nhị đều là phương tiện, phi nhị và phi bất nhị đều là chân thật, phá cũng căn cứ theo trước trưng dẫn người và xứ.

4. Nhị cùng bất nhị và dùng hai phi, vẫn thuộc bốn câu, vẫn chưa tránh khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Các pháp tịch diệt không thể ngôn tuyên, chính là chân thật.

Nay hỏi. Từ Tam-muội ra bảo tam chu hiển bản, là thuyết hay không thuyết? Nghĩa tịch diệt trùm khắp đâu chỉ có Pháp Hoa ư! Lý trong giáo bản tự vô ngôn, huống chi đại thừa không thể nói, trước vì năm người (Thừa) huống chi nay rộng nêu năm Đức Phật khai Quyền biện rõ giáo Quyền thật. Quyền thật đã hiển, sao lại nói “ban cho”? Nói “ban cho ba”: thì mê giáo mê tình. Nay căn cứ bộ pháp giáo, hiểu rõ tên “Phương tiện” cần có chỉ qui, lẽ nào luống sót lời? Dùng lời theo lời thì mê mãi mãi vẫn chưa trừ được, tuy ngàn vạn lần phá cuối cùng cũng không tận dứt. Bốn câu của Thân thì căn cứ đây có thể biết, huống chi đầu đề phẩm này là “Phương Tiện”, nên dùng phương tiện để giải thích phẩm này, mới là thật giải thích không trái đề phẩm. Cho nên, biết Gia Tường thân thắm nhuần diệu hóa nghĩa đã rưới mâu nhiệm. Chương xưa

nêu trước là hạnh lý phải nương theo pháp, biết đại ý chỉ đây thì thầy trò có thể thành tựu. Căn cứ một đường hướng này thì các thứ còn lại cũng có thể rõ. Cũng như ba thứ pháp luân không trái với thừa lãnh, Đại sư gọi là “đốn nhũ”, kia dùng căn bản đặt tên, Đại sư dùng ba vị làm cành nhánh, kia cũng dùng Đề-hồ làm gốc trở về.

Nay hỏi: Phàm nói căn bản tức nói năng sinh, năng sinh bắt đầu thành, sau nhiếp trở về bản, bản vẫn chẳng phải bắt đầu, hai lời nói trái nhau, cành gốc không lập, nhiếp cũng không đúng, hướng chỉ căn bản hai phần nhiếp trở về còn một, một là căn gốc, hai thì gọi là cành. Vậy thì gốc rễ xưa nay là cành, nên phải hợp đầu mà theo ở sau cho nên khai cành Hoa Nghiêm Biệt để nhập gốc Pháp Hoa Viên, hướng Hoa Nghiêm Biệt Viên đều thành cận tích. Nghĩa căn lại hoại Pháp Hoa bản thành. Lại, nói “ba vị là cành ngọn”: Lộ uyển có thể vậy, hai tô như thế nào? Nếu hai tô Viên Biệt là cành, thì Hoa Nghiêm đâu thể thành gốc? Nếu vậy, chính thành “hội bản qui bản”, hoặc tức “hội cành qui cành”. Nếu Pháp Hoa không liên quan đến Hoa Nghiêm thì khiến hai bản vĩnh viễn sai khác, sao được gọi là “hội mật qui bản”? Hướng chỉ trong bộ Pháp Hoa không có văn nhập Hoa Nghiêm, chỉ có nhập Phật tri kiến, hướng chỉ văn nêu Niết-bàn chung cực năm vị. Bản sư sở sư xưa nêu cần phải sửa đổi. Nếu y xưa lập, thì nghĩa Thầy trò không thành. Thuyết để khuất phục thì chẳng có gì để làm, thuyết để tôn kính trên đầu thì nương tựa cái gì?

Phần thứ tư: Dẫn lệ. Dẫn hai văn làm lệ: Tức là kinh này thì Thể nội phương tiện là loại được lưu truyền. “Kinh Đại Thừa Phương Tiện nêu mười thứ phương tiện”, chưa kiểm chứng. Phần 5. “Phải biết...”: là tổng kết chỉ bày bài xích phi. Nói “như hư không như biển lớn”, là tổng bao hàm các kinh đều quy về kinh này. Các kinh ví như hình sắc như dòng chảy. Kinh này ví như hư không như biển lớn. “Nay nêu rõ...” chính giải thích có hai: Trước thông, sau biệt.

Phần Thông có ba: 1. Liệt kê. 2. Giải thích. 3. “Nếu tất cả pháp...”: là dùng tứ nhiếp pháp để biện rõ công dụng của pháp. Trong phần giải thích, bốn câu đều trước là nêu tiếp là dẫn văn giải thích. Câu đầu: đã dẫn văn nói “Các pháp...” Do có nói lên, lại theo có thuyết, có nói thì không ngoài ngàn như trăm giới. Câu thứ hai: gồm dẫn năm văn đều chứng nhập thật vả lại dùng nhập chứng đối thuyết làm thật. Văn đầu: ý gia bị cho căn cơ, văn thứ hai: là gốc các pháp, văn thứ ba: là tông hóa nghi, văn thứ tư: là nguồn gốc bản hạnh, văn thứ năm: là lý vong giáo, các văn đều dùng nhập chứng làm thật. Cho nên biết rằng: có nói,

không nói đều dùng chân thật làm gốc. Trong câu thứ ba dẫn chứng ý: Các pháp là quyền, thật tướng là thật, thật tức câu thứ hai, quyền tức câu đầu, hợp hai câu đó cùng làm câu thứ ba, vì hai môn đầu không có biệt pháp, “Lệ như...”: dẫn lệ. Giả tưởng cho nên hư dối, trị dục cho nên thật. Chỉ nhất quán này là thật là hư, thì một pháp cũng quyền cũng thật có sao đâu? Câu thứ tư : dẫn văn tức chỉ lý Trung, lý hư thật... nhị đế khó nghĩ bàn, song phi hai đế này để hiển diệu trung, cũng không khác với ba môn trước, bốn môn lý đồng cho nên đều nói “tất cả”. “Nếu tất cả pháp...”: là phần 3. Biện công dụng, lại có hai: Một, chánh biện câu nhiếp pháp công dụng. Hai, “Thẳng nêu...” là nêu ý câu kia. Văn đầu, chỉ bốn câu đây còn lẫn nhiếp lẫn phá, quyền thì đều quyền cho đến đều là phi quyền phi thật, huống chi các pháp khác không nhiếp phá ư? Huống chi ngoài bốn câu không còn có pháp, như đây mới thành pháp lập của kinh này, lẽ nào cùng với pháp lập của các sư đồng ư? Phải biết các sư đã không biết nơi quyền thật, dù nói Thật nhưng vì chưa phân phán, cho nên thật nghĩa không thành, huống kia kia tương vọng xen lẫn thoi mê thật, vì vậy đều là câu đầu sở phá cho nên nói “đều là quyền”. Câu đầu tiên còn vậy huống chi ba câu ư! Cho nên Quyền thật của các sư đều đặc chút phần quyền mà thôi.

Nói “Như Lai sở thuyết”: nêu quả để so với phàm, Phật có sở thuyết mà còn đều là quyền, lẽ nào đời mạt pháp, phiếm bàn mà tự nói là chân thật, không suy nghĩ Thánh hóa chỉ tiến cử thân thể phàm phu. Câu thứ hai: Thật tức cứu cánh. Quyền của Phật thuyết mà còn phải nhập thật, huống chi các quyền khác, thật mà không nhập ư? Cho nên biết hết thấy chỉ có Nhất thật. Nói “tổ hang (sào quật)” Sách Thuyết Văn nói: Chim ở cây gọi là “tổ”, thú ở trong hang gọi là “hang”. “Bảo” là trú trước. Hiểu thông đại chỉ phải xứng tâm Phật, chỉ giữ một góc thì như “giữ gìn hang ổ”. Câu thứ ba, thứ tư căn cứ nói có thể biết. Cho nên, văn này mỗi một câu đều trùm khắp. Nếu thu nhiếp khiến có thể biết, thì chỉ là ba trí chiếu ba đế cảnh, gia bị cho ba hạng căn cơ. Cơ biến, pháp biến, lý biến sự biến, đều nói tất cả sở dĩ có thể biết. Do “một không tất cả không” nên tất cả đều Thật. Vì “một giả tất cả giả” nên tất cả đều Quyền. Hai câu thứ ba và thứ tư chỉ là Trung trí song chiếu song phi. Trong do ba đức ba thân đầy đủ, cho nên khiến ngoài dụng ngang dọc hiển mật, làm thành ý phá lập của kinh này. Do đối xưa cho nên phải làm bốn câu, Thông luận đại cương pháp tướng tuy vậy, biệt luận phẩm này chỉ tại câu thứ ba, cũng quyền một câu rườì gọi là phẩm Phương Tiện. Do đối tự chứng thật trí nói, cho nên phải nói nửa câu thứ

ba, vẫn phải nhiếp ba thứ còn lại kia và nửa câu nhập vào một câu rưỡi đây, mới có thể được gọi là phẩm Phương Tiện này. Nếu chuyên bốn câu đều nhiếp tất cả còn chẳng thải thông phương, hướng chi các Sư biến kế quyền giáo của các sư, cho nên nói “không được nhất hướng”. “Thắng nêu...”: là tiếp nêu ý câu: Như trước đã giải thích tuy lại lược dẫn lược giải thích tương trạng, vẫn thành “thắng nêu” để biện rõ tương câu, chưa kịp dung thông để luận huyền chỉ. Hoặc phá hoặc lập mà còn đã không bỏ sót, không thiên một câu không đấm trệ một góc cho nên nói “còn tự như thế”, hướng chi dùng đại chỉ mà xa quán, chẳng hạn cuộc một phương cho nên nói “huyền lãm”. “Phương”: Nghĩa là một người một hạnh. Cái gọi là “một lý một giáo”, là tùy lập tùy nhiếp tùy phá tùy vong. Thủ xả tự tại, cho nên nói “khoáng đãng”. Vượt khỏi ám trệ, gọi là “cao minh”, lại cùng tận viễn giáo gọi là “xa quán”. Xét lý sâu là “huyền lãm”. Dụng ngang khắp là “khoáng đãng”. Chỉ dọc thấu triệt là “cao minh”, hiển một nhà tiêu thông cho nên nói “như thế”. Nếu làm chữ “huyền”, thì ý cũng có thể thấy. Người khác không thấy đây thì dùng cái gì để giải thích phẩm Phương Tiện? “Hướng chi luận chỉ thú”: Vì phá lỗi xưa, vả lại dùng giáo tương quyền thật phá lập khai thị ẩn hiện dư thiếu hành tàng. Nếu hạnh giải kiêm luận tự tha hợp nói, thì chịu nhận văn trước nay để luận ý chỉ kia. Tóm lược sự trước nay để luận thú hướng kia phải hiểu bốn câu chỉ một pháp tánh. Pháp tánh chỉ là chân như thật tướng như như Niết-bàn. Do thể Pháp tánh không trái các pháp, không thọ các pháp, không trụ các pháp, không nhập các pháp, cho nên mỗi một danh tự, mỗi một tâm pháp, mỗi một câu kệ, mỗi một nhân quả, mỗi một phàm Thánh, mỗi một y chánh, cho đến mười cặp đều là pháp giới, tự tại vô ngại nghĩa kia có thể thành, đầy đủ trong trong Bất Nhị Thập Môn nói. Hoặc bản hoặc mặt, thể lý không khác, nói mà không nói, không nói mà nói, chiếu tánh không xa, tự tại vô cùng. Dù rằng vô cùng nhưng không ra ngoài bốn câu, bốn câu không câu, không câu mà câu, câu câu thâm khắp cả mười phương Phật pháp. Chỉ vì giáo, trước thời Pháp Hoa giáo bốn câu, mỗi câu chưa thông suốt, đến nơi hội này thì một vị không khác... Đây đủ như trong phẩm Dược Thảo Dụ, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt. Tiếp, khai chương biệt giải thích: Đã biết các pháp hỷ dung biến nhập, nêu Thật tức có Quyền trong Thật, chính là chỉ Quyền đây gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu “Quyền tức là Bất tư nghì quyền”, thì Quyền đây có thật, mới dùng quyền đây gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu “cũng Quyền cũng Thật”, thì đều có chỗ trở về, đây chính cả hai tương tức

cũng nhiếp cả hai cả ba, cho nên gọi phẩm Phương Tiện. Cho nên dụng tức phương tiện chân thật, gọi là phẩm Phương Tiện, nêu phi Quyền phi Thật thì chỉ là lý Phương tiện, lý nhiếp ba câu đều gọi là phẩm Phương Tiện.

Hỏi: Nếu vậy câu câu đều trùm khắp đều là phẩm Phương Tiện, thì đâu cần câu thứ ba?

Đáp: 1. Danh tiện thì đầy đủ quyền thật. 2. Nghĩa tiện thì sở nhiếp trùm khắp. Các câu khác nghĩa tiện mà danh không tiện, ba câu còn lại tuy có nghĩa quyền danh quyền mà không như câu thứ ba tức danh tức đủ. Dụng đây tức thật, mà quyền làm phẩm này. Cho nên mười cặp dưới, mỗi cặp đều đủ danh quyền thật, đều chọn “tức Thật mà Quyền” làm phẩm Phương Tiện, hướng chi ba câu đầu tổng giải thích đều xuyên suốt mười văn tám môn.

Nếu không vậy, thì chẳng phải phương tiện sự lý cho đến Tất-đàn, không phải liệt danh của pháp tướng trong phương tiện, cho đến chẳng phải bản tích mười nghĩa của kinh này, mười nghĩa không hai bản tích tợ như khác. Bản tích, tuy khác mà bất tư nghi nhất, mười nghĩa tướng biệt mà Thực tướng nhất như. Vì chúng sinh nên liệt giải thích Sinh khởi cho đến Bản tích, Sự lý cho đến Tất-đàn không đồng, đạt ý quên lời, giải thoát ngôn thuyết. Nếu thấy ý đây thì thường im thường nói, nói làm không trái, vẫn dùng ý chỉ đây mà làm cảnh quán, khiến cảnh quán kia chiếu rõ có thể thấy. Các chỗ giải thích không có nguyên do nơi đây, như đây giải thích mà còn sợ là hữu lậu, hướng chi các nhà giải thích đơn độc nông cạn. Dù nêu nhiều nhưng pháp tướng đại tiểu khó phân, tuy phán giáo thời mà Pháp Hoa chưa hiển. Nếu cho rằng kinh Pháp Hoa cùng các kinh khác đồng vị, thì chỗ thuyết ba không có, thì lời nói ấy ở đâu? Nhưng trong tám môn này thì bảy môn trước là Tích, môn thứ tám là Bản môn, bản tuy chưa đến mà quyền thật lý khắp. Cho nên văn dưới nói: “Ta dùng phương tiện này, chư Phật cũng như vậy”. Cho nên tên gọi Phương tiện thông Bản tích. Đây đã huyền thích không đồng tiêu văn cho nên không đồng với ngài Quang Trạch phân biệt câu.

Lại nữa, ý của tám môn đây theo thứ lớp: Nếu không Liệt danh thì không dùng Giải thích. Nếu không Sinh khởi thì mê nơi thứ lớp thuyên. Giải thích chánh chỉ bày tướng trạng của mười văn. Dẫn chứng vì phòng người không tin, kết quy là nêu ý gốc của phẩm, phân biệt vì khiến giải thích phẩm có chỗ trở về, phán xét giải thích khiến biết thô diệu đều có, như vậy mới hiển bày ý chỉ sâu xa của phẩm. Lại chuẩn bị

biện Bản tích khiến biết bản địa quyền thật tự tha, mới hiển con đường Đại hóa gần, xa. Trong Liệt danh cần phải sắp xếp nhất nhất đều nêu quyền thật, như nói “Sự lý quyền thật” cho đến “Tất-đàn quyền thật”, tức là sự quyền lý thật, cho đến Tất-đàn ba quyền một thật. Lại dùng ba thứ giải thích phẩm, phân chia mới thành phương tiện của kinh này. Cho nên luận nói: “Từ đây trở xuống thị hiện tướng nhân quả kinh này”. Cho nên trong mười cặp thì năm cặp đầu là từ nhân đến quả, năm cặp sau thuộc thắng dụng của quả, hướng chi một bộ văn cũng có thể Bản tích mà phân nhân quả. Cho nên, biết: trong nhân nếu không có bốn cặp trước thì nghĩa nhân cạn hẹp. Nếu không có năm cặp sau thì dụng quả thô cạn. Trong đó, giáo là thánh hóa. Vả lại, dùng người thọ mà đặt tên, không đồng người đời lấy giáo làm nhân, Phật trí làm quả. Cũng không đồng ba, bốn môn v.v... của người khác. Còn lại như dưới kết quyền thật nói. Ở cuối phần “Sinh khởi”, trong câu “đó là mười chương thứ đệ vân vân”, thì “vân vân” là: Lẽ ra mỗi một chương đều thuật tướng sinh khởi, suy tìm kỹ thì có thể thấy. Lại nữa văn nêu năng hóa, nghĩa phải đối sở. Cho nên năm cặp sau chỉ một cặp trong thể dụng là đối sở, còn lại bốn cặp, đều từ năng đối mà đặt tên. Lại, đây cũng cùng mười diệu nghĩa đồng. Nếu không vậy, thì ai biết phương tiện cần đủ mười pháp? Ai biết nghĩa mười pháp biến khắp một kinh? Nếu không có mười pháp mà lại thành kinh văn thì không thuyết giảng nhân quả và dùng năng sở. Cho nên mười cặp đều cùng tận đến cốt yếu, mới là mười cặp của kinh này. Nếu vậy một kinh từ đầu đến cuối đều gọi là Phương tiện, đều chỉ giáo trước lấy làm sở khai, rồi mới có thể gọi là phương tiện của kinh này. Cho nên, biết rằng: trong Tựa thì Chứng tín là Phát khởi phương tiện. Thí dụ chỉ là So sánh phương tiện, Nhân duyên chỉ là Vãng tích phương tiện, Bản môn chỉ là Cửu viên phương tiện, Lưu thông chỉ là chư Phật Bồ-tát thông pháp phương tiện, do phương tiện đó nên gọi là chân thật. Nếu hiểu được ý đây, thì như xem quả trong lòng bàn tay, thì một bộ Pháp Hoa tâm có thể biết, một đời giáo môn sát-na liền biết, nhân quả tự tha cộng thành một pháp, mười phương ba đời không chứa mong cầu khác. Dùng thập pháp thừa mà quan sát, Pháp Hoa Tam-muội hợp đủ thì có đủ vô thượng Phật quả, đường tu có thể kỳ vọng, có mắt chư Hiền xin thương xót xem xét.

